

Bản án số: 16/2024/KDTM-PT

Ngày 22-4-2024

V/v tranh chấp hợp đồng thi công

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Đặng Văn Chum

**Các Thẩm phán:** Ông Nguyễn Đức Cường

Bà Trần Thị Thắm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Kim Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Xông - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2023/TLPT-KDTM ngày 26 tháng 12 năm 2023 về việc “tranh chấp hợp đồng thi công”.

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 04/2023/KDTM-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện B8, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 06/2024/QĐXXPT-KDTM ngày 23/02/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/QĐ-PT ngày 22/3/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xây dựng Đ1; địa chỉ: số 171, ấp T1, xã T2, huyện L, tỉnh Đ.

**Người đại diện theo pháp luật:** bà Cao Minh T3, chức vụ: Giám đốc; vắng mặt.

- **Bị đơn:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V1; địa chỉ: thửa đất số 352, 413, 43, tờ bản đồ số 61, ấp B1, xã B2, huyện B3, tỉnh Bình Dương.

**Người đại diện hợp pháp của bị đơn:** ông Lê Tấn B6, sinh năm 1967; chức vụ: số 2C/7A, khu phố B4, phường B5, thành phố T4, tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền ngày 19/4/2024); có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* ông N - Luật sư Văn phòng Luật sư N- số 02, đường E, Trung tâm hành chính D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1.1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T5; địa chỉ: số 52, Đại lộ B7, tổ 4, khu phố 7, phường P, thành phố T6, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

1.2. Điện lực B8; địa chỉ: Khu Trung tâm hành chính huyện B8 - ấp 5, xã T7, huyện B8, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V1.

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện B8, tỉnh Bình Dương.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/5/2020 và các lời khai tại Tòa án, người đại diện hợp pháp của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên xây dựng Đ1 trình bày:*

Ngày 12/06/2019, Công ty Một thành viên Xây dựng Đ1 (viết tắt là Công ty Đ1) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V1 (viết tắt là Công ty V1) ký Hợp đồng kinh tế về việc thi công và cung cấp thiết bị xây dựng trạm biến áp cho dự án nhà máy gỗ số 45/HĐKT – CTC - 2019. Theo đó, bên B (Công ty Đ1), cung cấp vật tư, thiết bị, thi công và cung cấp thiết bị xây dựng trạm biến áp theo hồ sơ được chủ đầu tư và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, làm thủ tục giấy tờ cần thiết để xây dựng trạm biến áp theo hình thức chìa khoá trao tay, thời gian và tiến độ thực hiện trong thời gian tối đa là 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng và nhận được tiền tạm ứng lần 1.

Giá trị hợp đồng là 1.026.385.000 đồng (đã bao gồm thuế VAT); tiến độ thanh toán:

Lần 1: ngay sau khi ký hợp đồng, bên A sẽ tạm ứng cho bên B 50% giá trị hợp đồng;

Lần 2: thanh toán tiếp 30% giá trị hợp đồng khi bên B bàn giao hàng hoá đến công trình;

Lần 3: Thanh toán hết 20% giá trị còn lại sau khi công trình đóng điện đưa vào sử dụng nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu bàn giao hàng hoá.

Quá trình thi công, ngày 09/12/2019, hai bên tiếp tục ký Phụ lục bổ sung hợp đồng số 01/PLHĐKT – CTC – 2019, theo đó: điều chỉnh bổ sung khối lượng thi công và công suất trạm biến áp do bên A yêu cầu, thay đổi vị trí lắp đặt trạm biến áp và tăng công suất trạm biến áp từ 750kVA lên 1250kVA; thời gian và tiến độ thực hiện: trong thời gian tối đa là 30 ngày kể từ ngày hai bên ký

kết phụ lục hợp đồng và bên B nhận được tiền tạm ứng bổ sung. Tổng giá trị của hợp đồng và phụ lục là 1.744.328.000 đồng (giá trị bổ sung 717.943.000 đồng), các điều khoản khác trong hợp đồng ngày 12/6/2019 không thay đổi và giữ nguyên hiệu lực.

Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình, khối lượng công việc đã hoàn thành và nghiệm thu theo quy định. Riêng việc thanh toán của bị đơn có vi phạm như sau:

- Theo điều 7 của Hợp đồng, sau khi công ty nguyên đơn tập kết vật tư đến công trình thì công ty bị đơn sẽ tạm ứng cho nguyên đơn 80% giá trị hợp đồng (tương đương số tiền 1.395.462.000 đồng), nhưng đến thời điểm hiện tại công ty bị đơn chỉ mới thanh toán số tiền 1.268.602.000 đồng. Như vậy, số tiền còn phải thanh toán tiếp theo hợp đồng đã thỏa thuận là 126.860.000 đồng.

- Số tiền 20% còn lại theo Hợp đồng ngày 12/6/2019 và phụ lục ngày 09/12/2019 mà Công ty V1 còn phải thanh toán là 348.866.000 đồng, nhưng phía bị đơn chấm dứt hợp đồng chưa chi trả khoản tiền này cho phía nguyên đơn. Xét về hợp đồng, nguyên đơn đã hoàn thành nghĩa vụ của mình, trạm biến áp đã được lắp đặt hoàn chỉnh, chỉ còn mỗi việc đóng điện tại Điện lực B8. Nhưng, việc không thực hiện được thủ tục đóng điện là do lỗi của bị đơn trong việc thanh toán tiền trễ hạn. Ngoài việc vi phạm về thời hạn thanh toán tiền chi phí xây dựng thì trong quá trình thi công phía bị đơn còn có các lỗi khác, cụ thể:

Từ tháng 5/2020, bị đơn có những hành vi sai phạm như: Di dời trạm biến áp và tụ bù mà nguyên đơn đã lắp đặt thay thế vào đó là trạm biến áp và tụ bù của đơn vị khác và xem đó là trạm 2 để xin thủ tục đóng điện sử dụng, vấn đề này nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và lập vi bằng trong tháng 6/2020.

Cũng vì những hành vi và lỗi của bị đơn nêu trên nên phía nguyên đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

Phía nguyên đơn không yêu cầu Tòa án tiến hành thẩm định, giám định, định giá công trình và thiết bị trong quá trình các bên đã thi công, do bị đơn hiện nay đã sử dụng trạm biến áp và đường dây cáp ngầm mới của đơn vị khác và đóng điện sử dụng.

Công ty Đ1 yêu cầu Công ty V1 thanh toán toàn bộ số tiền theo hợp đồng các bên đã ký kết, hiện nay chưa thanh toán là 475.726.000 đồng, bao gồm:

Số tiền theo thỏa thuận đến hạn chưa thanh toán là 126.860.000 đồng;

Số tiền 20% còn lại theo Hợp đồng ngày 12/6/2019 và phụ lục ngày 09/12/2019, Công ty V1 còn phải thanh toán là 348.866.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút lại yêu cầu đối với số tiền lãi suất do bị đơn chậm thanh toán theo hợp đồng các bên ký kết thực hiện 01 ngày phạt 0,5% giá trị hợp đồng số tiền 69.773.120 đồng và rút yêu cầu chi phí thi công nền máy biến áp là 49.636.000 đồng.

*Tại đơn phản tố đề ngày 21/10/2022 và các lời khai tại Tòa án, người đại diện hợp pháp của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V1 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:*

Ngày 22/4/2019, Công ty V1 và Công ty Đ1 ký Hợp đồng kinh tế số: 45/HĐKT-CTC- 2019 v/v cung cấp vật tư thiết bị, thi công xây lắp trạm biến áp có công suất 750kVA theo hình thức chìa khóa trao tay cho dự án nhà máy gỗ của Công ty V1, tại ấp B1, xã B2, huyện B3, thời gian thực hiện 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền tạm ứng lần 1, tổng giá trị hợp đồng là 1.026.385.000 đồng (đã bao gồm thuế VAT), thời gian thanh toán chia thành 03 lần, cụ thể:

Lần 1 tạm ứng 50% giá trị hợp đồng ngay sau khi ký hợp đồng;

Lần 2 thanh toán tiếp 30% giá trị hợp đồng trước khi bên B bàn giao hàng hóa đến công trình;

Lần 3 thanh toán 20% còn lại sau khi công trình đóng điện đưa vào sử dụng nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu bàn giao hàng hóa, việc thanh toán theo hình thức chuyên khoản.

Hai bên cũng thỏa thuận điều khoản phạt vi phạm tiến độ thực hiện hợp đồng, cụ thể nếu bên B chậm tiến độ thực hiện 01 ngày phạt 0,5% giá trị hợp đồng nhưng số tiền phạt không quá 4% giá trị của hợp đồng. Nếu bên A chậm thanh toán theo tiến độ thực hiện 01 ngày phạt 0,5% giá trị hợp đồng nhưng số tiền phạt không quá 4% giá trị của hợp đồng.

Về nghĩa vụ của bên A là chuẩn bị địa điểm và mặt bằng để bên B bàn giao vật tư, thiết bị, tiến hành thi công, lắp đặt công trình, cử cán bộ giám sát, kiểm tra, ký nhận bàn giao thiết bị, nghiệm thu công trình, thanh toán tiền theo điều 7 của Hợp đồng đã ký kết.

Về nghĩa vụ của bên B là thi công theo đúng thiết kế đã được duyệt, đảm bảo đúng tiến độ, tuân thủ các quy phạm xây dựng và các quy định quản lý chất lượng công trình hiện hành của Nhà nước; tuân thủ các quy định của chính quyền địa phương, nội quy chung của công trường, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho người lao động, vệ sinh môi trường trong và ngoài công trường; chuẩn bị đầy đủ vật tư, thiết bị đảm bảo mới 100%, đúng chủng loại, số lượng, xuất xứ hàng hóa đến thực hiện việc bàn giao thiết bị theo đúng thỏa thuận; bàn giao vật tư, thiết bị, hoàn thành việc thi công công trình đúng thời hạn, địa điểm; tự chịu trách nhiệm về an toàn điện, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ trong suốt quá trình thi công lắp đặt; lập hồ sơ nghiệm thu quyết toán sau khi hoàn thành công việc.

Sau khi ký hợp đồng ngày 22/4/2019, đến ngày 05/6/2019, Công ty V1 đã tạm ứng cho Công ty Đ1 số tiền 20.000.000 đồng (có biên nhận tiền mặt). Ngày 19/6/2019, Công ty V1 tạm ứng tiếp cho Công ty Đ1 số tiền 500.000.000 đồng tương đương 50% giá trị hợp đồng. Ngày 19/7/2019, Công ty V1 ứng thêm số tiền 100.000.000 đồng (cả 03 lần tạm ứng do chưa xuất hóa đơn nên chưa tính

thuế VAT). Do có sự thay đổi vị trí lắp đặt trạm biến áp và tăng công suất trạm biến áp từ 750 kVA lên 1250 kVA nên ngày 09/12/2019 hai bên ký Phụ lục bổ sung hợp đồng số 01/PLHĐKT-CTC - 2019, theo phụ lục thì giá trị hợp đồng tăng thêm 717.943.000 đồng nên tổng giá trị hợp đồng là 1.744.328.000 đồng, thời gian hoàn thành bàn giao tối đa là 30 ngày kể từ ngày ký phụ lục hợp đồng và ngày bên B nhận tiền tạm ứng bổ sung.

Thực tế, Công ty V1 đã thanh toán cho Công ty Đ1 số tiền 1.288.602.182 đồng chiếm hơn 70% giá trị hợp đồng (do chưa xuất hóa đơn nên chưa tính 10% VAT). Ngược lại, phía Công ty Đ1 cam kết sẽ hoàn thành công trình và bàn giao đóng điện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận tiền tạm ứng bổ sung 09/01/2020 (tức ngày bàn giao là ngày 09/02/2020). Tuy nhiên, đến ngày bàn giao nhưng Công ty V1 không nhận được phản hồi của Công ty Đ1, Công ty V1 có Công văn số 02/2020/VĐT gửi cho Công ty Đ1 yêu cầu đóng điện đúng tiến độ của hợp đồng và phụ lục hợp đồng, đồng thời phải có văn bản giải trình về việc đóng điện chậm trễ tiến độ thực hiện. Nếu hết ngày 17/02/2020, mà Công ty Đ1 vẫn không có văn bản phản hồi lý do chậm trễ đóng điện, kế hoạch cụ thể ngày đóng điện bàn giao công trình thì Công ty V1 sẽ đơn phương chấm dứt hợp đồng thi công, hủy giấy ủy quyền và giao cho đơn vị khác thực hiện phần công việc còn lại. Phần tài sản đang thực hiện dang dở sẽ xem như tài sản của Công ty V1 và được quyền sử dụng nó. Công ty V1 sẽ khấu trừ phần chi phí do nhà thầu khác thực hiện vào hợp đồng với Công ty Đ1 và yêu cầu Công ty Đ1 bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên, do Công ty Đ1 khởi kiện yêu cầu Công ty V1 phải trả thêm tiền và phạt hợp đồng khi chưa hoàn thành công trình và chưa bàn giao là không có cơ sở chấp nhận, trong khi đó Công ty V1 đã thanh toán đến hơn 70% mà chưa thấy sản phẩm do Công ty Đ1 cung cấp. Mặt khác, Công ty Đ1 kéo dài thời gian thi công, không bàn giao công trình, không đóng điện dẫn đến nhà máy gỗ của Công ty V1 không hoạt động được, mất nhiều cơ hội và gây ra nhiều thiệt hại cho Công ty V1.

Từ những lý do nêu trên phía Công ty V1 không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Đ1.

Công ty V1 có đơn phản tố yêu cầu Công ty Đ1 phải thanh toán tổng số tiền 1.358.375.302 đồng, gồm các khoản như sau:

1. Trả lại toàn bộ số tiền đã nhận 1.288.602.182 đồng;
2. Phạt chậm tiến độ thực hiện theo điều 9 hợp đồng là 0,5%/ngày trên giá trị hợp đồng nhưng tối đa không quá 4% giá trị hợp đồng, cụ thể:  $1.744.328.000 \text{ đồng} \times 4\% = 69.773.120 \text{ đồng}$ .

- Phía bị đơn không yêu cầu Tòa án tiến hành thẩm định, giám định, định giá công trình và thiệt bị trong quá trình các bên đã thi công hiện nay phát sinh tranh chấp, do bị đơn hiện nay đã sử dụng trạm biến áp và đường dây cáp ngầm mới của đơn vị khác và đã tiến hành đóng điện sử dụng.

*Tại Văn bản số 103/ĐLBTU-KHKT ngày 06/10/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Điện lực B8 Bình Dương trình bày:*

Trạm 1: Công ty V1 ủy quyền Công ty Đ1 thi công đường dây tải điện trên nôi (trên cao) 22kV dài 489m + TBA III x 1.250kVA (trạm 1), công trình này chưa nộp hồ sơ hoàn công, hai bên xảy ra tranh chấp. Nên chưa đóng điện vận hành, tài sản này là của khách hàng, chưa đóng điện vận hành, khách hàng tự quản lý, khi nào có quyết định của Tòa án thì ngành điện mới tiếp tục giải quyết cấp điện cho Công trình này. Đơn vị thi công chưa cung cấp hồ sơ hoàn công của công trình. Tại Văn bản số 40/CV-ĐLBTU ngày 26/10/2022, Điện lực B8 đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Trách nhiệm hữu hạn T5:* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, Công ty Trách nhiệm hữu hạn T5 (sau đây viết tắt Công ty T5) vắng mặt không có lý do theo giấy triệu tập và thông báo của Tòa án.

Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 04/2023/KDTM - ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện B8, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên xây dựng Đ1 đối với bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V1 về việc “tranh chấp hợp đồng thi công”.

1.1. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V1 phải có nghĩa vụ hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên xây dựng Đ1 tổng số tiền theo hợp đồng các bên ký kết chưa thanh toán là 475.726.000 đồng (bốn trăm bảy mươi lăm triệu, bảy trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

1.2. Đình chỉ đối với yêu cầu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên xây dựng Đ1 về số tiền lãi suất 69.773.120 đồng và yêu cầu thanh toán khoản tiền chi phí trả máy biến áp 750kVA, chi phí thi công nền máy biến áp là 49.636.000 đồng, tổng số tiền là 103.316.000 đồng do Công ty TNHH MTV xây dựng Đ1 xin rút lại yêu cầu khởi kiện.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V1 đối với số tiền 1.358.375.302 đồng (một tỷ, ba trăm năm mươi tám triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn, ba trăm lẻ hai đồng), gồm:

Số tiền Công ty TNHH MTV V1 đã trả Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên xây dựng Đ1 1.288.602.182 đồng.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo cho hai bên đương sự.

Ngày 11/10/2023, bị đơn Công ty V1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

Ngày 12/10/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B8 có Quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-KDTM, với đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do vi phạm tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vắng mặt, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương giữ nguyên yêu cầu kháng nghị, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nội dung Quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 12/10/2023, yêu cầu tuyên hủy bản án sơ thẩm.

Ý kiến người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Mấu chốt là Hợp đồng kinh tế số 45 ký lại ngày 12/6/2019; đánh giá pháp lý thì hai hợp đồng kinh tế do hai pháp nhân ký; do thay đổi công suất nên hai bên ký phụ lục hợp đồng mới, tổng giá trị hợp đồng này bao gồm 10% VAT; về diễn biến thực hiện hợp đồng: bị đơn thanh toán đảm bảo theo thỏa thuận hợp đồng. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy của bản án sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng như sau:

Tại Công văn số 103/DLBTU-KHKT ngày 06/10/2020 của Điện lực B8 thể hiện Công ty V1 đăng ký phụ tải sử dụng điện với ngành điện: lắp 3 trạm biến áp IIIx1.250 kVA với Công ty Đ1; Công T5 và Công ty TNHH Nhật Đông. Như vậy, Công ty V1 ký hợp đồng với 3 công ty để thi công. Tòa án không thu thập tài liệu của các công ty liên quan đến hợp đồng thi công giữa Công ty V1 với Điện Quan Thành và với Công ty TNHH Nhật Đông cũng như Công ty T5 để xem xét là vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Cùng một công việc là thi công trạm biến áp cho dự án nhà máy gỗ, ngoài việc Công ty V1 hợp đồng với Công ty Đ1 thi công thì Công ty V1 còn hợp đồng với Công ty T5; Công ty TNHH Nhật Đông để thi công. Hiện nay dự án đã hoàn thành việc xác định công ty nào thực hiện dự án là đúng và phù hợp với pháp luật và việc công ty nào cung cấp vật tư thiết bị ngoài công ty Đ1 cũng như vi phạm hợp đồng thi công cũng phải làm rõ để xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại là rất cần thiết.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm không điều tra thu thập các tài liệu liên quan đến việc thi công cũng như xác định Công ty Đ1 cung cấp vật tư thiết bị cho Công ty V1, hiện nay vật tư thiết bị có sử dụng hay không sử dụng cũng chưa làm rõ. Việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty V1 phải trả cho Công ty Đ1 475.726.000 đồng là chưa có căn cứ vững chắc.

Do bản án sơ thẩm vi phạm tố tụng; thu thập chứng cứ chưa đầy đủ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận kháng cáo của bị đơn; chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát huyện B8 hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B8, tỉnh Bình Dương, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện B8 điều tra xét xử lại.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn Công ty Đ1 đã được Tòa án tổng đạt Giấy triệu tập số 62/TT-TA ngày 23/02/2024 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng 08 giờ 00 phút ngày 22/3/2024 có mặt tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phúc thẩm lần 01. Tuy nhiên, Công ty Đ1 không còn trụ sở tại xã Tân Mỹ, huyện Lập Vò, tỉnh Đ (biên bản tổng đạt không thành ngày 05/3/2024 có xác nhận của UBND xã Tân Mỹ).

Công ty Đ1 và Công ty V1 ký Hợp đồng số 45/HĐKT – CTC – 2019 ngày 12/06/2019 và Phụ lục bổ sung hợp đồng số 01/PLHĐKT – CTC – 2019 ngày 09/12/2019, với nội dung: Công ty Đ1 nhận thầu cung cấp, lắp đặt thiết bị điện trạm biến áp 250KVA và xây dựng các công trình liên quan để lắp trạm biến áp; Phụ lục sửa đổi bổ sung trạm biến áp từ 250KVA lên 750KVA, thay đổi giá trị hợp đồng từ 1.026.385.000 đồng thành 1.744.328.000 đồng; các điều khoản của hợp đồng còn có quy định về thời gian thanh toán, thời gian hoàn thành, thời gian bảo hành các thiết bị điện....

Hai bên chưa nghiệm thu, bàn giao thì phát sinh tranh chấp. Do đó, tranh chấp giữa hai bên là tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa và tranh chấp về hợp đồng xây dựng; pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án là Luật Thương mại và Luật Xây dựng, trường hợp Luật Thương mại và Luật xây dựng không có quy định thì áp dụng các quy định chung của Bộ luật Dân sự để giải quyết vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về “Hợp đồng thi công” là chưa chính xác.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hợp đồng số 45/HĐKT – CTC – 2019 ngày 12/06/2019 nhận thầu cung cấp, lắp đặt thiết bị điện trạm biến áp 250KVA và xây dựng các công trình liên quan để lắp trạm biến áp giữa Công ty Đ1 và Công ty V1 có các điều khoản như sau:

- Công ty Đ1 (bên B) nhận thầu thi công nền móng, hàng rào bảo vệ, đường dây của trạm biến áp 250KVA và lắp đặt máy móc thiết bị cho trạm biến áp 250KVA, đảm bảo điều kiện vận hành và đưa vào sử dụng (chế biến gỗ) cho Công ty V1( bên A).

- Giá trị hợp đồng 1.026.385.000 đồng (đã bao gồm thuế VAT); thanh toán như sau: Lần 1 tạm ứng 50% giá trị hợp đồng ngay sau khi ký; lần 2 thanh toán tiếp 30% giá trị hợp đồng trước khi bên B bàn giao hàng hóa (máy móc thiết bị) đến công trình; lần 3 thanh toán 20% còn lại sau khi công trình đóng



điện đưa vào sử dụng nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu bàn giao...( Điều 7 của hợp đồng).

- Thời hạn thực hiện hợp đồng là 20 ngày kể từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền đợt 1 (Điều 3 của hợp đồng).

- Thời hạn bảo hành là 12 tháng, kể từ ngày bàn giao và đưa vào sử dụng;

- Hợp đồng còn quy định: Toàn bộ hồ sơ tài liệu liên quan đến việc thực hiện công việc “thi công và cung cấp thiết bị xây dựng trạm biến áp cho dự án nhà máy gỗ” đã được bên A phê duyệt được coi như một phần không tách rời khỏi hợp đồng (Điều 11 của Hợp đồng).

Ngoài ra hợp đồng còn có điều khoản về phạt vi phạm.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng, bản án sơ thẩm nhận định bị đơn Công ty V1 vi phạm thỏa thuận về thời gian thanh toán nhưng không phân tích làm rõ Công ty V1 thanh toán lần thứ 1 là ngày nào và đến ngày nào thì Công ty V1 thanh toán đủ 50%? Trường hợp Công ty V1 chậm thanh toán theo thỏa thuận thì Công ty Đ1 có khiếu nại và dừng thực hiện hợp đồng hay không? Việc xử lý hành vi vi phạm hợp đồng của một bên phải căn cứ vào quy định tại Điều 294 và 308 của Luật Thương mại để xem xét xử lý.

[2.3] Thời hạn thực hiện hợp đồng chưa đúng như hai bên đã thỏa thuận, hai bên đều không có chứng cứ chứng minh có khiếu nại phía bên kia (Điều 318 của Luật Thương mại). Đến ngày 09/12/2019, hai bên ký Phụ lục bổ sung hợp đồng số 01/PLHĐKT – CTC – 2019; với nội dung thay đổi là từ trạm biến áp từ 250KVA thành trạm biến áp 750KVA, giá trị hợp đồng từ 1.026.385.000đồng thành 1.744.328.000 đồng, các điều khoản khác của hợp đồng giữ nguyên.

Ngày 22/4/2020, Công ty V1 và Công ty Đ1 cùng Công ty Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T5 (Công ty T5) và Điện lực B8 ký biên bản làm việc với nội dung: do việc thay đổi thiết kế nên các bên đồng ý để Công ty T5 thi công đường cáp ngầm từ trụ số 10 đến trụ số 11 sau đó bàn giao cho Công ty Đ1 thi công nghiệm thu..., Công ty V1 yêu cầu đến ngày 30/4/2020 phải xong việc nghiệm thu đóng điện.

Sau thời điểm này, hai bên có lời khai khác nhau về nguyên nhân tranh chấp dẫn đến việc không nghiệm thu, đóng điện và đưa vào sử dụng...

[2.4] Hợp đồng chưa được nghiệm thu, bàn giao và có tranh chấp; Tòa án cấp sơ thẩm không xác định hợp đồng đã hoàn thành hay chưa? Tài sản của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ theo hợp đồng hay chưa? Bị đơn có sử dụng tài sản của nguyên đơn đã thực hiện theo hợp đồng hay không mà buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ giá trị hợp đồng cho nguyên đơn là chưa đủ căn cứ. Không định giá hoặc thẩm định giá tài sản mà nguyên đơn đã thực hiện theo hợp đồng là thiếu sót.

Ngoài ra, hồ sơ vụ án và lời khai của hai bên còn có liên quan đến đơn vị tư vấn thiết kế là Công ty TNHH tư vấn thiết kế Phú Hưng Thịnh nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập lấy lời khai của đơn vị tư vấn thiết kế để làm rõ

lỗi vi phạm hợp đồng, hợp đồng đã thực hiện đến giai đoạn nào? Không thu thập tài liệu liên quan đến hợp đồng mà bị đơn đã ký duyệt theo quy định tại Điều 11 của hợp đồng là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ.

[3] Xét Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án; Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên phải hủy bản án sơ thẩm.

[4] Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa đề nghị chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện B8, tỉnh Bình Dương tại Quyết định số 02/QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 12/10/2023 là đúng pháp luật.

[5] Về án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: Do hủy bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308, Điều 310 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V1.

Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 12/10/2023 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện B8, tỉnh Bình Dương.

2. Hủy toàn bộ Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 04/2023/KDTM-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện B8, tỉnh Bình Dương.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện B8, tỉnh Bình Dương giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH Một thành viên V1 không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự huyện B8, tỉnh Bình Dương trả lại cho Công ty TNHH Một thành viên V1 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0010551 ngày 19/10/2023.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện B8;
- TAND huyện B8;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, Tổ Hành chính Tư pháp;  
Tòa K.

**Đặng Văn Chum**